

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
“Điều chỉnh hạ tầng Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI (Đầu tư 03 lò sấy bùn
công suất 1,65 tấn/giờ/lò và 01 lò hơi công suất 20 tấn hơi/giờ (đốt hỗn hợp
bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải của Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI
với than cám Indonesia hoặc bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải của Khu
công nghiệp Nhơn Trạch VI với viên nén mùn cưa))” tại Khu công nghiệp
Nhơn Trạch VI, xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

*Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của
Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ
Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết,
hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của
Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến
lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ
trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của
Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi,
bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật
bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động
môi trường của Dự án “Điều chỉnh hạ tầng Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI
(Đầu tư 03 lò sấy bùn công suất 1,65 tấn/giờ/lò và 01 lò hơi công suất 20 tấn
hơi/giờ (đốt hỗn hợp bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải của Khu công nghiệp
Nhơn Trạch VI với than cám Indonesia hoặc bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải
của Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI với viên nén mùn cưa))” họp ngày 22 tháng
9 năm 2020;*

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Điều chỉnh hạ tầng Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI (Đầu tư 03 lò sấy bùn công suất 1,65 tấn/giờ/lò và 01 lò hơi công suất 20 tấn hơi/giờ (đốt hỗn hợp bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải của Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI với than cám Indonesia hoặc bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải của Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI với viên nén mùn cưa))” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 165/CV-NT6 ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Công ty TNHH MTV Đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Nhơn Trạch 6A;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Điều chỉnh hạ tầng Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI (Đầu tư 03 lò sấy bùn công suất 1,65 tấn/giờ/lò và 01 lò hơi công suất 20 tấn hơi/giờ (đốt hỗn hợp bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải của Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI với than cám Indonesia hoặc bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải của Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI với viên nén mùn cưa))” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH MTV Đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Nhơn Trạch 6A (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI, xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH MTV Đầu tư xây dựng KCN Nhơn Trạch 6A;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND tỉnh Đồng Nai;
- Sở TN&MT tỉnh Đồng Nai;
- BQL các KCN tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT (3). PN (12).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Võ Tuấn Nhân

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN “ĐIỀU CHỈNH HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP NHƠN TRẠCH VI (ĐẦU TƯ 03 LÒ SẤY Bùn CÔNG SUẤT 1,65 TẤN/GIỜ/LÒ VÀ 01 LÒ HƠI CÔNG SUẤT 20 TẤN HƠI/GIỜ (ĐÓT HỖN HỢP Bùn THẢI TỪ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CỦA KHU CÔNG NGHIỆP NHƠN TRẠCH VI VỚI THAN CÁM INDONESIA HOẶC Bùn THẢI TỪ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CỦA KHU CÔNG NGHIỆP NHƠN TRẠCH VI VỚI VIÊN NÉN Mùn Cưa))” CỦA CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHIỆP NHƠN TRẠCH 6A

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

1. Thông tin về Dự án:

- Tên dự án: “Điều chỉnh hạ tầng Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI (Đầu tư 03 lò sấy bùn công suất 1,65 tấn/giờ/lò và 01 lò hơi công suất 20 tấn hơi/giờ (đốt hỗn hợp bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải của Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI với than cám Indonesia hoặc bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải của Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI với viên nén mùn cưa))”.

- Địa điểm thực hiện dự án: Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI, xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

- Diện tích Dự án: Dự án được thực hiện trên diện tích đất 2.739,8 m² nằm trong Khu xử lý chất thải và tái tạo năng lượng thuộc Khu đất đầu mối kỹ thuật của Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI (tổng diện tích của Khu công nghiệp 327,48 ha).

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Nhơn Trạch 6A.

- Địa chỉ liên hệ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI, xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

1.1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Dự án điều chỉnh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp (KCN) Nhơn Trạch VI: bổ sung hạng mục, công trình để xử lý bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1 của KCN (công suất thiết kế 40.000 m³/ngày), không thu gom, xử lý bùn thải từ các nơi khác.

- Các hạng mục, công trình chính của Dự án bao gồm:

+ 01 lò hơi công suất 20 tấn hơi/giờ kết hợp xử lý bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN (40 tấn/ngày, độ ẩm từ 30 đến 40% tương đương 120 tấn/ngày, độ ẩm 80%).

+ 03 lò sấy bùn công suất 1,65 tấn/giờ/lò để sấy khô bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN, giảm độ ẩm của bùn sau khi ép từ 80% xuống dưới 40% làm nguyên liệu cấp cho hoạt động của lò hơi.

+ Nhà lò hơi đốt bùn thải diện tích 885,8 m².

+ Kho chứa than/biomass, tro xỉ, tro bay, dầu DO, hoá chất diện tích 782,8 m².

+ Kho chứa bùn thải diện tích 1.071,2 m².

- Dự án sử dụng than cám Indonesia để phối trộn với bùn thải theo tỷ lệ 55% than cám và 45% bùn thải hoặc viên nén mùn cưa (biomass) để phối trộn với bùn thải theo tỷ lệ 75% biomass và 25% bùn thải.

1.2. Công nghệ sản xuất tại Dự án:

1.2.1. Quy trình công nghệ sấy bùn:

- Bùn thải → máy ép (độ ẩm 80%) → băng tải kín có mái che → lò sấy bùn → bùn thải sau khi sấy (độ ẩm dưới 40%) → lò hơi công suất 20 tấn hơi/giờ.

- Khí thải lò sấy bùn → cyclone → tháp hấp thụ → tách ẩm → quạt hút → ống khói → xả ra môi trường.

1.2.2. Quy trình công nghệ lò hơi:

- Bùn thải sau khi sấy (độ ẩm dưới 40%) → lò hơi công suất 20 tấn hơi/giờ → nạp liệu (phối trộn với than cám Indonesia hoặc viên nén mùn cưa biomass) → buồng đốt tầng sôi → bộ giải nhiệt gió (gió nóng cấp về buồng đốt) → bộ giải nhiệt nước (nước nóng cấp vào bộ sinh hơi) → hơi → bộ góp hơi → một phần hơi được cấp cho hoạt động của lò sấy bùn, một phần hơi được cấp cho các cơ sở thứ cấp có nhu cầu sử dụng trong KCN.

- Khí thải lò hơi → cyclone → lọc bụi túi vải → tháp hấp thụ → tách ẩm → quạt hút → ống khói → xả ra môi trường.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

2.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh máy móc thiết bị thi công xây dựng, phương tiện vận chuyển...; nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân xây dựng.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động tập kết nguyên vật liệu xây dựng; từ hoạt động của máy móc thiết bị thi công xây dựng; từ hoạt động cắt, hàn, xỉ kim loại.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân xây dựng; chất thải rắn xây dựng; chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình thi công xây dựng.

2.1.2. Giai đoạn vận hành:

- Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh khu vực lò hơi; nước ngưng từ hơi nước cung cấp cho các lò sấy bùn; nước thải phát sinh từ hoạt động của tháp hấp thụ của hệ thống xử lý khí thải lò hơi; nước thải phát sinh từ hoạt động của tháp hấp thụ của hệ thống xử lý khí thải lò sấy bùn; nước thải phát sinh từ công đoạn ép bùn.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của lò hơi, từ hoạt động của lò sấy bùn; mùi hôi từ quá trình vận chuyển, tiếp nhận, lưu chứa bùn; hơi hóa chất phát sinh từ việc sử dụng hóa chất trong quá trình xử lý khí thải.

- Chất thải sinh hoạt; chất thải rắn phát sinh từ quá trình tiếp nhận, lưu chứa bùn thải; tro xỉ, tro bay từ quá trình đốt bùn; cặn lắng thu được sau tháp hấp thụ của hệ thống xử lý khí thải của lò hơi và lò sấy bùn.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân xây dựng ước tính khoảng 2,25 m³/ngày. Thành phần: chất rắn lơ lửng (TSS), BOD, COD, nitơ (N), photpho (P), coliform...

- Nước thải phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng (vệ sinh máy móc, phương tiện vận chuyển) ước tính khoảng 02 m³/ngày. Thành phần: chất rắn lơ lửng (TSS), dầu mỡ.

2.2.2. Giai đoạn vận hành:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động của cán bộ, công nhân viên vận hành Dự án ước tính khoảng 0,675 m³/ngày. Thành phần: chất rắn lơ lửng (TSS), BOD, COD, nitơ (N), photpho (P), coliform...

- Nước ngưng từ hơi nước cung cấp cho các lò sấy bùn ước tính khoảng 28,32 m³/ngày. Thành phần: nhiệt độ cao.

- Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh khu vực lò hơi ước tính khoảng 0,3 m³/ngày. Thành phần: cặn lắng chủ yếu là cặn bùn và cặn canxi.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động của tháp hấp thụ của hệ thống xử lý khí thải lò hơi ước tính khoảng 38,4 m³/lần xả, định kỳ xả khoảng 02 tuần/lần. Thành phần: cặn lắng, pH, H₂SO₄, HNO₃, Na₂CO₃...

- Nước thải phát sinh từ hoạt động của tháp hấp thụ của hệ thống xử lý khí thải lò sấy bùn ước tính khoảng 25 m³/lần xả, định kỳ xả khoảng 02 tuần/lần. Thành phần: cặn lắng, pH, H₂SO₄, HNO₃, Na₂CO₃...

- Nước thải phát sinh từ công đoạn ép bùn (120 tấn bùn/ngày) ước tính khoảng 500 m³/ngày.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

2.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Bụi phát sinh từ hoạt động tập kết nguyên, vật liệu thi công xây dựng.

- Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện vận chuyển nguyên, vật liệu và hoạt động của máy móc, thiết bị thi công xây dựng. Thành phần: bụi, SO_2 , NO_x , CO , VOCs.

2.3.2. Giai đoạn vận hành:

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của lò hơi. Thành phần: bụi, SO_2 , NO_x , CO ,...

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của lò sấy bùn. Thành phần: bụi, H_2S , NH_3 .

- Mùi hôi phát sinh từ quá trình vận chuyển, tiếp nhận, lưu chứa bùn thải. Thành phần: H_2S , NH_3 .

- Mùi hôi phát sinh từ chất thải rắn sinh hoạt và từ trạm xử lý nước thải tập trung. Thành phần: H_2S , NH_3 , CH_4 .

- Hơi hóa chất phát sinh từ việc sử dụng hóa chất trong quá trình xử lý khí thải: Dự án sử dụng dung dịch NaOH 10% để xử lý khí thải lò hơi, lò sấy bùn.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải sinh hoạt:

2.4.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân xây dựng có khối lượng ước tính khoảng 25 kg/ngày. Thành phần: các loại bao bì, vỏ lon đựng nước giải khát, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa,...

- Chất thải rắn xây dựng phát sinh có khối lượng ước tính khoảng 9,55 tấn/giai đoạn thi công xây dựng. Thành phần: đất đá, gạch vỡ, xi măng, sắt thép vụn, bao bì vật liệu xây dựng, gỗ hỏng...

2.4.2. Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên có khối lượng ước tính khoảng 2,5 kg/ngày. Thành phần: các loại bao bì, vỏ lon đựng nước giải khát, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa,...

- Tro xỉ phát sinh từ quá trình đốt của lò hơi ước tính khoảng 357,7 đến 625,1 kg/giờ. Thành phần: Al, Fe, Zn, Ti, Ni, Cu, Pb,...

- Tro bay phát sinh từ quá trình hoạt động của thiết bị cyclone, thiết bị lọc bụi túi vải ước tính khoảng 153,3 đến 267,9 kg/giờ. Thành phần: As, Pb, Zn, Ni, Cu, Cr, Cd,...

- Khi Dự án đi vào vận hành, Chủ dự án sẽ tiến hành phân định tính chất nguy hại của tro bay và tro xỉ. Trường hợp tro bay và tro xỉ có thành phần nguy hại vượt giới hạn cho phép của QCVN 07:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại, Chủ dự án sẽ tiến hành quản lý tro bay và tro xỉ theo quy định về chất thải nguy hại.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng ước tính khoảng 110 kg/giai đoạn thi công xây dựng, bao gồm: dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu nhớt, bao bì đựng sơn, dung môi thải, que hàn thải, cặn sơn, thùng sơn,...

2.5.2. Giai đoạn vận hành:

Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình hoạt động của Dự án ước tính khoảng 96 đến 120 kg/ngày. Thành phần: bùn thải rơi vãi, cặn lắng của các hệ thống xử lý khí thải, dầu nhớt thải, bao bì đựng dầu nhớt thải,...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Đơn vị thi công xây dựng kiểm tra các loại máy móc thiết bị trước khi đưa vào công trường để đảm bảo hoạt động tốt và hạn chế hư hỏng trong quá trình thi công xây dựng. Việc vệ sinh máy móc thiết bị thi công xây dựng được ưu tiên thực hiện tại kho bãi tập kết máy móc thiết bị của nhà thầu, hạn chế thực hiện vệ sinh máy móc thiết bị thi công trên công trường xây dựng.

- Quy trình công nghệ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng như sau: Nước thải sinh hoạt → nhà vệ sinh hiện hữu trong Khu xử lý chất thải và tái tạo năng lượng (có bể tự hoại) → đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Nhơn Trạch VI.

3.1.2. Giai đoạn vận hành:

- Toàn bộ nước thải phát sinh từ Dự án được thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1 hiện hữu công suất 20.000 m³/ngày (công suất thiết kế 40.000 m³/ngày) của KCN Nhơn Trạch VI để xử lý.

- Quy trình công nghệ xử lý nước thải tại trạm xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1 hiện hữu công suất 20.000 m³/ngày của KCN Nhơn Trạch VI như sau: Nước thải → song chắn rác thô → mương lắng cát → bể tiếp nhận → bể điều hòa → tháp giải nhiệt → bể phản ứng hóa lý 1 (axit) → bể keo tụ hóa lý 1 (phèn, phá màu) → bể tạo bông hóa lý 1 (polymer) → bể lắng hóa lý 1 → bể sinh học thiếu khí → bể sinh học hiếu khí MBBR → bể sinh học hiếu khí → bể lắng sinh học → bể phản ứng hóa lý 2 → bể phản ứng keo tụ 2 (phèn, phá màu) → bể phản ứng tạo bông 2 (polymer) → bể lắng hóa lý 2 → hồ hoàn thiện → bể khử trùng (chlorine) → nguồn tiếp nhận (rạch Cái Sinh → sông Thị Vải).

3.1.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt và thi công phát sinh trong quá trình thi công xây dựng Dự án đảm bảo đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành trước khi thải ra môi trường; thu gom, lắng lọc nước mưa chảy tràn trong khu vực Dự án đảm bảo không làm ảnh hưởng đến chất lượng nước

mặt và hệ sinh thái khu vực Dự án trong quá trình thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

- Xây dựng, đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

- Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp công trình đối với nước mưa chảy tràn để giảm thiểu úng ngập do việc thực hiện Dự án; đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu vực xung quanh Dự án.

- Xây dựng, vận hành mạng lưới thu gom và trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Nhơn Trạch VI đảm bảo toàn bộ các nguồn nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Khu công nghiệp được thu gom, xử lý đạt QCVN 13-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp dệt nhuộm, cột B với các hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 0,9$ và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B với các hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 0,9$ trước khi dẫn vào rạch Cái Sinh và xả ra sông Thị Vải. Không được phép xả thải trong trường hợp xảy ra sự cố với trạm xử lý nước thải tập trung hoặc nước thải sau xử lý không đạt quy định này.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục trước cửa xả ra ngoài môi trường của trạm xử lý nước thải tập trung (bao gồm thiết bị quan trắc tự động, liên tục và thiết bị lấy mẫu tự động), có camera theo dõi, truyền số liệu trực tiếp đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai theo đúng quy định. Các thông số quan trắc nước thải tự động, liên tục bao gồm: lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra, pH, nhiệt độ, TSS, COD, amoni, độ màu.

- Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục, có camera theo dõi phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo đúng quy định của pháp luật hiện hành về khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng.

- Quy định cụ thể đối với các cơ sở thứ cấp trong Khu công nghiệp về việc xử lý sơ bộ nước thải trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung thông qua văn bản thỏa thuận; thiết lập hệ thống kiểm soát các nguồn nước thải đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp theo đúng quy định.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Yêu cầu nhà thầu, đơn vị tham gia thi công xây dựng Dự án thực hiện các biện pháp tổ chức thi công phù hợp, xây dựng nội quy thi công xây dựng, tuân thủ các quy định về an toàn, bảo vệ môi trường.

- Lắp đặt hàng rào xung quanh khu vực công trường thi công; sử dụng phương tiện, máy móc được đăng kiểm; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải...; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận, đảm bảo vệ sinh; phun nước giảm bụi, thu gom chất thải rơi vãi trên công trường; lắp đặt hệ thống rửa phương tiện tại công

trường, tất cả các xe vận chuyển được rửa sạch bùn đất dính bám trước khi ra khỏi công trường.

3.2.2. Giai đoạn vận hành:

- Lắp đặt và vận hành hệ thống xử lý bụi và khí thải phát sinh từ quá trình hoạt động của Dự án đảm bảo đạt quy chuẩn về môi trường hiện hành trước khi thải ra môi trường.

- Lắp đặt và vận hành hệ thống xử lý khí thải của 03 lò sấy bùn, lưu lượng 25.000 m³/giờ. Quy trình công nghệ xử lý như sau: Khí thải lò sấy bùn → cyclone → tháp hấp thụ → tách ẩm → quạt hút → ống khói cao 20m → xả ra môi trường.

- Lắp đặt và vận hành hệ thống xử lý khí thải của lò hơi, lưu lượng 53.000 m³/giờ. Quy trình công nghệ xử lý như sau: Khí thải lò hơi → cyclone → lọc bụi túi vải → tháp hấp thụ → tách ẩm → quạt hút → ống khói cao 30m → xả ra môi trường.

- Bùn thải sau khi được ép tách nước tại máy ép bùn của trạm xử lý nước thải tập trung có độ ẩm khoảng 80% được chuyển tới lò sấy bùn bằng băng tải kín có mái che để giảm thiểu phát tán mùi hôi và nước mưa xâm nhập. Trong quá trình vận chuyển từ máy ép bùn qua băng tải tới lò sấy bùn, bùn thải được phun chế phẩm sinh học khử mùi để giảm thiểu triệt để mùi hôi phát sinh. Bùn thải rơi vãi được thu gom hàng ngày về kho chứa bùn thải.

- Hóa chất sử dụng cho các hệ thống xử lý nước thải, khí thải như PAC, NaOH được lưu chứa trong bao bì, thùng chứa riêng biệt đặt tại khu lưu giữ hóa chất theo đúng quy cách về an toàn hóa chất và phòng chống cháy, nổ.

3.2.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Giám sát các nhà thầu thi công trong việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng.

- Thu gom, xử lý bụi và khí thải phát sinh trong quá trình vận hành 03 lò sấy bùn đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B với các hệ số Kp = 0,9 và Kv = 0,8 trước khi xả ra môi trường.

- Thực hiện các yêu cầu kỹ thuật và môi trường đối với lò hơi đảm bảo thu gom, xử lý bụi và khí thải phát sinh trong quá trình vận hành lò hơi đạt quy định tại QCVN 30:2012/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải công nghiệp, cột B và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B với các hệ số Kp = 0,9 và Kv = 0,8 trước khi xả ra môi trường.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục các thông số: lưu lượng, nhiệt độ, áp suất, O₂ dư, bụi tổng, SO₂, NO_x và CO tại ống khói của lò hơi để kiểm soát chất lượng khí thải của Dự án theo quy định và yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

- Hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục, có camera theo dõi, truyền số liệu trực tiếp đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai theo đúng quy định và phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo đúng quy định của pháp luật hiện hành về khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường:

3.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt: trang bị thùng chứa dung tích 18 lít chuyên dụng đặt tại khu vực có phát sinh chất thải rắn sinh hoạt. Định kỳ 02 lần/tuần chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải rắn xây dựng: đất đá, gạch, vữa bê tông, vật liệu kết dính quá hạn sử dụng được tận dụng để san lấp nền công trình. Các loại phế liệu không tận dụng được chuyển giao cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

3.3.2. Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt: trang bị thùng chứa dung tích 18 lít chuyên dụng đặt tại khu vực có phát sinh chất thải rắn sinh hoạt. Chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái chế được thu gom vào thùng chứa dung tích 240 lít và bán cho cơ sở thu mua phế liệu.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: tro xỉ và tro bay của Dự án trong trường hợp được phân định là chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom và lưu giữ tạm thời tại kho chứa than/biomass, tro xỉ, tro bay, dầu DO, hoá chất diện tích 782,8 m² của Dự án, có chia các ngăn lưu giữ riêng biệt và bán cho các cơ sở sản xuất gạch block không nung.

- Chất thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường được định kỳ chuyển giao cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

3.3.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải sinh hoạt trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Giai đoạn thi công xây dựng: thu gom toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh về khu lưu giữ chất thải nguy hại hiện hữu của KCN Nhơn Trạch VI diện tích 20 m²; định kỳ chuyển giao cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

3.4.2. Giai đoạn vận hành: thu gom toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh vào các thùng chứa riêng biệt có dán nhãn phân loại theo quy định đặt trong khu lưu giữ chất thải nguy hại hiện hữu của KCN Nhơn Trạch VI diện tích 20 m² (có chia các ngăn lưu giữ riêng biệt cho từng loại). Chất thải nguy hại phát sinh được định kỳ chuyển giao cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

3.4.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải nguy hại và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải nguy hại trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại và QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

3.5.1. Thực hiện biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn và độ rung:

- Thực hiện các giải pháp tổ chức thi công phù hợp, xây dựng nội quy đối với công nhân và nhà thầu thi công xây dựng tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường để giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng.

- Thiết kế các bộ phận giảm âm, lắp đệm chống ồn, giảm chấn trong quá trình lắp đặt máy móc thiết bị của Dự án.

- Trồng cây xanh, thảm cỏ trong khuôn viên Dự án để giảm thiểu bụi, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của Dự án tới môi trường xung quanh.

- Mạng lưới thu gom nước mưa: nước mưa → thu gom → dẫn vào hệ thống thoát nước mưa của KCN Nhơn Trạch VI.

3.5.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện về an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

- Bố trí mặt bằng trong khuôn viên Dự án để trồng cây xanh, đảm bảo tỷ lệ diện tích đất cây xanh theo quy định của pháp luật.

- Đào nôi và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

3.6.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố lò hơi, lò sấy bùn:

- Thường xuyên quan sát ngọn lửa trong lò hơi để phát hiện những vấn đề bất thường liên quan đến nhiên liệu để giảm thiểu sự cố cháy, nổ do nhiên liệu.

- Lò hơi, lò sấy bùn phải có đầy đủ các hồ sơ kỹ thuật (xuất xứ lò hơi, lò sấy bùn; bản vẽ cấu tạo và các bộ phận của lò hơi, lò sấy bùn; các chứng chỉ kiểm tra chất lượng và biên bản kiểm định xuất xưởng của lò hơi, lò sấy bùn) được cấp có thẩm quyền kiểm định.

3.6.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải lò hơi, lò sấy bùn:

- Các công trình, thiết bị xử lý khí thải lò hơi, lò sấy bùn được thiết kế, lắp đặt đồng bộ theo đúng quy định và tiêu chuẩn thiết kế, bảo đảm xử lý đạt quy chuẩn cho phép.

- Xác định nhanh các thông số ô nhiễm chính (nếu có sự cố ô nhiễm xảy ra) trong khí thải lò hơi được thực hiện thông qua hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục (các thông số quan trắc gồm: lưu lượng, áp suất, bụi tổng, nhiệt độ, O₂ dư, CO, SO₂, NO_x; camera giám sát quá trình xả khí thải, màu khí thải).

- Ứng phó sự cố đối với khí thải: Điều chỉnh nhiên, nguyên liệu và hóa chất sử dụng, điều chỉnh các dung dịch hấp thụ, chất hấp phụ hoặc xử lý khí thải (nếu có) để bảo đảm đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường đối với khí thải; dừng hoạt động lò hơi, lò sấy bùn trong trường hợp khí thải vẫn vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường đối với khí thải.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các hệ thống thu gom và xử lý khí thải.

- Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý khí thải, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho hệ thống xử lý khí thải của Dự án.

3.6.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI đã xây dựng 02 bể sự cố, mỗi bể có dung tích 10.000 m³ để lưu giữ nước thải khi có sự cố và bơm tuần hoàn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý lại (theo Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 167/GXN-TCMT ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Lắp đặt các thiết bị dự phòng để kịp thời khắc phục khi có sự cố; dung tích các bể, hệ thống van chặn tại các bể của trạm xử lý nước thải tập trung đảm bảo thời gian lưu nước tối đa trong trường hợp xảy ra sự cố hệ thống xử lý nước thải. Khi xảy ra sự cố hệ thống xử lý nước thải, tiến hành tạm dừng hoạt động của trạm xử lý nước thải tập trung để kiểm tra. Sau khi khắc phục xong, tiếp tục hoạt động đảm bảo nước thải được xử lý đạt QCVN 13-MT:2015/BTNMT -

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp dệt nhuộm, cột B với các hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 0,9$ và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B với các hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 0,9$ trước khi dẫn vào rạch Cái Sinh và xả ra sông Thị Vải.

- Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành, bảo dưỡng được thiết lập cho trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

3.6.4. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại: Khu lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định.

3.6.5. Phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống cấp thoát nước và các sự cố có liên quan đến môi trường khác: Không xây dựng các công trình trên đường ống dẫn nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín của tất cả các tuyến ống; lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy đến từng khu vực, lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

- 01 hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi, lưu lượng 53.000 m³/giờ.
- 01 hệ thống xử lý bụi, khí thải cho 03 lò sấy bùn, lưu lượng 25.000 m³/giờ.
- Kho chứa tro xỉ, tro bay diện tích 782,8 m².
- Công trình bảo vệ môi trường sử dụng chung với hạ tầng kỹ thuật hiện hữu của Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI:
 - + Khu lưu giữ chất thải nguy hại diện tích 20 m².
 - + Trạm xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1 công suất 20.000 m³/ngày.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án:

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

5.1.1. Chương trình giám sát môi trường xung quanh:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực thực hiện Dự án.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Thông số giám sát: tổng bụi lơ lửng (TSP), SO₂, NO₂, tiếng ồn, độ rung.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật

quốc gia về độ rung.

5.1.2. Chương trình quản lý, giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm:

5.2.1. Chương trình giám sát khí thải lò sấy bùn:

- Vị trí giám sát: khí thải trước và sau xử lý tại hệ thống xử lý bụi, khí thải của lò sấy bùn.

- Số lượng mẫu và tần suất giám sát: theo quy định của Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

- Thông số giám sát: lưu lượng, nhiệt độ, áp suất, O₂ dư, bụi tổng, SO₂, NO_x, CO, NH₃, H₂S.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B với các hệ số Kp = 0,9 và Kv = 0,8.

5.2.2. Chương trình giám sát khí thải lò hơi:

- Vị trí giám sát: khí thải trước và sau xử lý tại hệ thống xử lý bụi, khí thải của lò hơi.

- Số lượng mẫu và tần suất giám sát: theo quy định của Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

- Thông số giám sát: lưu lượng, nhiệt độ, áp suất, O₂ dư, bụi tổng, SO₂, NO_x, CO, HCl, Hg, Cd, Pb, tổng các kim loại nặng khác, HC, dioxin/furan.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 30:2012/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc

gia về lò đốt chất thải công nghiệp, cột B và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B với các hệ số $K_p = 0,9$ và $K_v = 0,8$.

5.2.3. Chương trình quản lý, giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.3. Giai đoạn vận hành:

5.3.1. Chương trình giám sát khí thải tự động, liên tục:

- Vị trí giám sát: tại ống khói lò hơi của Dự án.
- Tần suất giám sát: liên tục 24/24 giờ.
- Thông số giám sát: lưu lượng, nhiệt độ, áp suất, O_2 dư, bụi tổng, SO_2 , NO_x , CO.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 30:2012/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải công nghiệp, cột B và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B với các hệ số $K_p = 0,9$ và $K_v = 0,8$.

5.3.2. Chương trình giám sát nước thải tự động, liên tục:

- Vị trí giám sát: tại vị trí sau xử lý của trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI.
- Tần suất giám sát: liên tục 24/24 giờ.
- Thông số giám sát: lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra, pH, nhiệt độ, TSS, COD, amoni, độ màu.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 13-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp dệt nhuộm, cột B với các hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 0,9$ và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B với các hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 0,9$.

5.3.3. Chương trình giám sát khí thải định kỳ:

5.3.3.1. Chương trình giám sát khí thải lò sấy bùn:

- Vị trí giám sát: tại ống thoát khí thải của hệ thống xử lý bụi, khí thải lò sấy bùn.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Thông số giám sát: lưu lượng, nhiệt độ, áp suất, O₂ dư, bụi tổng, SO₂, NO_x, CO, NH₃, H₂S.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B với các hệ số Kp = 0,9 và Kv = 0,8.

5.3.3.2. Chương trình giám sát khí thải lò hơi:

- Vị trí giám sát: tại ống khói lò hơi của Dự án.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần, đối với thông số dioxin/furan: 01 năm/lần.

- Thông số giám sát: HCl, Hg, Cd, Pb, tổng các kim loại nặng khác, HC, dioxin/furan.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 30:2012/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải công nghiệp, cột B và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B với các hệ số Kp = 0,9 và Kv = 0,8.

5.3.4. Chương trình giám sát nước thải định kỳ:

- Vị trí giám sát: tại vị trí sau xử lý của trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Thông số giám sát: BOD₅ (20°C), kim loại nặng (As, Hg, Pb, Cd, Cr⁶⁺, Cr³⁺, Cu, Zn, Ni, Mn, Fe), tổng xyanua, tổng phenol, tổng dầu mỡ khoáng, sunfua, florua, clo dư, tổng N, tổng P, clorua, coliform, tổng các chất hoạt động bề mặt.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 13-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp dệt nhuộm, cột B với các hệ số Kq = 0,9 và Kf = 0,9 và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B với các hệ số Kq = 0,9 và Kf = 0,9.

5.3.5. Chương trình quản lý, giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.3.6. Chương trình giám sát tro xỉ, tro bay:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại kho chứa tro xỉ, tro bay.
- Tần suất giám sát: 01 năm/lần.
- Thông số giám sát: As, Ag, Cd, Pb, Co, Zn, Ni, Se, Hg, Cr, tổng xyanua.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 07:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

- Đảm bảo sự phù hợp của Dự án trong các quy hoạch liên quan; chủ động phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cập nhật Dự án trong quá trình lập Quy hoạch tỉnh Đồng Nai đảm bảo theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai tại Công văn số 9329/UBND-KTN ngày 07 tháng 8 năm 2020.

- Thực hiện trách nhiệm của chủ dự án quy định tại Điều 16 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP; xây dựng hồ sơ có khả năng quay vòng xử lý lại nước thải, đảm bảo không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố của hệ thống xử lý nước thải tập trung theo yêu cầu tại Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 167/GXN-TCMT ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Tuân thủ các quy định tại Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

- Yêu cầu các dự án đầu tư thứ cấp vào Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI phải thực hiện đánh giá tác động môi trường hoặc đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ, an ninh trật tự đối với đội ngũ cán bộ và công nhân viên tham gia thi công xây dựng, vận hành Dự án; đảm bảo an toàn giao thông và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro đến môi trường.

- Hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục phải có camera theo dõi, được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng và truyền dữ liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai theo quy định.

- Tuân thủ các yêu cầu về an toàn hóa chất, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành; tiến hành trồng cây xanh trong khuôn viên Dự án đảm bảo diện tích đất được trồng cây xanh và khoảng cách an toàn môi trường theo đúng quy chuẩn về xây dựng.

- Chủ động phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai và cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án.

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa sự cố chất thải; xây dựng, thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố chất thải; tổ chức ứng phó sự cố chất thải tại cơ sở và tham gia ứng phó sự cố chất thải theo sự chỉ huy của cơ quan, người có thẩm quyền; định kỳ tổ chức diễn tập ứng phó sự cố chất thải và đầu tư trang thiết bị bảo đảm sẵn sàng ứng phó sự cố chất thải theo đúng quy định tại Quyết định số 09/2020/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế ứng phó sự cố chất thải.

- Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật./.